

Số: /2024/QĐ-UBND Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Quy định hạn mức công nhận đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ khoản 5 Điều 141 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 8658/TTr-STNMT-QLĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024, Công văn số 9672/STNMT-QLĐ ngày 24 tháng 9 năm 2024 và Báo cáo thẩm định số 5406/BC-STP ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Sở Tư pháp.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cụ thể hạn mức công nhận đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng

12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các cơ quan nhà nước có liên quan đến việc giải quyết hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân.

## **Điều 3. Hạn mức công nhận đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn Thành phố**

1. Các Quận 1, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 11, Gò Vấp, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Tân Bình, Tân Phú: không quá 160 m<sup>2</sup>/hộ gia đình, cá nhân.

2. Các Quận 7, 12, Bình Tân, thành phố Thủ Đức và thị trấn các huyện Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè: không quá 200 m<sup>2</sup>/hộ gia đình, cá nhân.

3. Khu quy hoạch phát triển đô thị tại các xã thuộc các huyện Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè: không quá 250 m<sup>2</sup>/hộ gia đình, cá nhân.

4. Huyện Cần Giờ và các khu vực còn lại tại các xã thuộc các huyện Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè (không thuộc quy định tại khoản 3 Điều này): không quá 300 m<sup>2</sup>/hộ gia đình, cá nhân.

## **Điều 4. Trách nhiệm của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Định kỳ tổng hợp khó khăn vướng mắc và kiến nghị, đề xuất (nếu có) báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, chỉ đạo thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức:

a) Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức chịu trách nhiệm rà soát và xác định đúng phạm vi, đối tượng áp dụng theo quy định tại Quyết định này và các quy định có liên quan.

c) Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt quá thẩm quyền, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để được xem xét, chỉ đạo thực hiện.

## **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 16

tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về hạn mức đất ở trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các quận, huyện và thành phố Thủ Đức và các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Xây dựng;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- TTUB, CT, các PCT;
- Thành viên UBND Thành phố;
- VPUB: các PCVP;
- Các Phòng NCTH, TTTH, CB, BTCD;
- Lưu VT (ĐT/LT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Xuân Cường**